

**CÔNG TY TNHH DALALI MEDIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DALALI MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DALALI MEDIA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108607826

**3. Ngày thành lập:** 30/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 26B, ngõ 488 Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5820     |
| 2.  | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6312     |
| 3.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7320     |
| 4.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410     |
| 5.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền)<br>Hoạt động bởi các đại lý hoặc các đại lý thay mặt cá nhân thường liên quan đến việc tuyển dụng người cho điện ảnh, âm nhạc hoặc thể thao, giải trí khác hoặc sắp xếp sách, vở kịch, tác phẩm nghệ thuật, ảnh... với nhà xuất bản hoặc nhà sản xuất... | 7490     |
| 6.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7721     |
| 7.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6201     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6209     |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310     |
| 10. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1811     |
| 11. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1812     |
| 12. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5911     |

|     |                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                           | 5912        |
| 14. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                       | 5914        |
| 15. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết: Hoạt động ghi âm                                                                                                         | 5920        |
| 16. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                        | 6202        |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                  | 6311        |
| 18. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Các dịch vụ thông tin qua điện thoại<br>Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí | 6399        |
| 19. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                  | 7420        |
| 20. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                  | 8230(Chính) |
| 21. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                      | 9000        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM MINH LÝ   | Thôn Nội, Xã Ninh Xuân, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                       | 100.000.000           | 5,000     | 037196000591                                                                                                                                      |         |
| 2   | VŨ THỊ LAN     | Tổ 16 khu Bí Giàng, Phường Yên Thanh, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam   | 1.300.000.000         | 65,000    | 022195000515                                                                                                                                      |         |
| 3   | VŨ THẾ ĐÀM     | Thôn Lạc Thanh, Phường Yên Thanh, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam       | 600.000.000           | 30,000    | 022091000923                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ THỊ LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 23/02/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 022195000515

Ngày cấp: 03/06/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 16 khu Bí Giàng, Phường Yên Thanh, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P12 tầng 16 CT3 Eco Green 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội